PHẬT GIÁO NHẬP THẾ NHẬT BẢN – TRƯỜNG HỢP TỊNH ĐỘ TÔNG(*)

Nguyễn Minh Nguyên(**)

(**) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: nguyen.dhpd@gmail.com

Tóm tắt: Khái niệm "Phật giáo nhập thế" (Engaged Buddhism) có nhiều cách gọi khác nhau, nhưng điểm chung của Phật giáo nhập thế là giải quyết các vấn đề nhân sinh của xã hội ngoài Phật giáo. Phật giáo Nhật Bản, đặc biệt là Tịnh độ tông, đã đồng hành cùng sự chuyển biến của xã hội và nhập thế gần gũi với mọi giai tầng xã hội, trực tiếp tham gia vào đời sống người dân Nhật Bản.

Từ khóa: Phật giáo Nhật Bản, Phật giáo nhập thế, Tịnh độ tông Nhật Bản.

Ngày nhận bài: 19/08/2025; ngày phản biện: 20/08/2025; ngày sửa chữa: 10/10/2025; ngày duyệt đăng: 15/10/2025.

1. Mở đầu

Khái niệm Phật giáo nhập thế ngày càng được biết đến rộng rãi trên thế giới. Phật giáo nhập thế ở mỗi quốc gia đều có nét đặc sắc riêng. Tại Nhật Bản, tinh thần nhập thế (Engaged Buddhism) của Phật giáo có ở một số tông phái, như: Tịnh độ tông, Nhật Liên Tông, Thiền Tông. Trong đó, Tịnh độ tông có lý luận sâu sắc và hoạt động thực tiễn nổi bật, khiến tông phái này trở nên khác biệt so với Phật giáo Tịnh độ ở các nước khác, như Trung Quốc, Việt Nam,...

Tìm hiểu tư tưởng "nhập thế" của Tịnh Độ tông Nhật Bản để hiểu mối quan hệ giữa đức tin và cuộc sống thế tục, thẩm thấu sự dung hòa giữa đời sống tinh thần và đời sống vật chất. Về mặt lý luận, tìm hiểu Tịnh độ tông sẽ làm phong phú thêm học thuyết Phật giáo và các tư tưởng về Phật giáo xã hội, đặc biệt là khả năng áp dụng giáo lý Phật giáo vào giải quyết các vấn đề thực tế của xã hội đương đại. Về thực tiễn, nó cung cấp một mẫu hình ứng dụng Phật giáo Tịnh độ vào đời sống hàng ngày, giúp các tổ chức tôn giáo và cá nhân tìm ra phương thức hành đạo phù hợp với bối cảnh xã hội hiện đại, làm cho Phật giáo trở nên gần gũi và có sức sống hơn.

2. Thuật ngữ "Phật giáo nhập thế"

Thuật ngữ "Phật giáo nhập thế" được biết đến ngày càng nhiều ở các nước

(*) Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ "*Tư tưởng Phật giáo nhập thế và vấn đề đặt ra ở Việt Nam hiện nay*" (mã số: KHXH/NV/2025-07), do TS. Trần Thị Thúy Ngọc làm chủ nhiệm.

Phật giáo trên thế giới. Ở Nhật Bản, thuật ngữ "Phật giáo nhập thế" đã được sử dụng với nhiều cách diễn đạt khác nhau, như "Phật giáo tham gia vào xã hội" (社会参加する仏教), "Phật giáo tạo ra xã hội" (社会を作る仏教), "Phật giáo liên quan đến xã hội" (社会とかかわる仏教), "Phật giáo hành động" (行動する仏教), "Phật giáo đấu tranh" (闘う仏教), "Phật giáo thực tiễn"(実践仏教),…

Các học giả Nhật Bản cho rằng, từ "nhập thế" bắt nguồn từ chữ "Engagement" trong tiếng Pháp, được Jean Paul Sartre (1905-1980) và một số nhà chủ nghĩa hiện sinh ở Pháp sử dụng với nghĩa là "sự tham gia". Từ "nhập thế" theo quan điểm chủ nghĩa hiện sinh của Jean Paul Sartre là: "Việc lựa chọn chính mình, đồng thời cũng là lựa chọn thế giới và gánh vác trách nhiệm đối với cái chung" và "Khi tôi chọn bản thân, tôi đang chọn nhân loại" (Dẫn theo: Jin Hitoshi 2023). Tức là, khi chúng ta lựa chọn, không phải chỉ lựa chọn cho riêng mình, mà còn tạo ra hình mẫu cho mọi người noi theo, nên vô hình trung chúng ta lựa chọn cho cả nhân loại. Chính vì vậy, lựa chọn cá nhân nhưng lại gánh vác trách nhiệm của cả nhân loại. Sartre dùng từ "nhập thế" để khuyến khích mọi người tham gia chính trị thay vì bị mắc kẹt trong thuyết định mệnh hay số phận.

Các học giả nghiên cứu Phật giáo hiện đại ở Nhật Bản cũng cho rằng, "Phật giáo nhập thế" bắt nguồn từ tư tưởng thực hành Giới - Định - Tuệ hướng thiện, từ bi của Thiền sư Thích Nhất Hạnh (1926 - 2022) vốn xuất phát từ giáo lý gốc của nhà Phật. Đối với Thiền sư Thích Nhất Hạnh, Giới không phải là những quy tắc cứng nhắc, giáo điều, mà là những nguyên tắc sống mang tính tỉnh thức và từ bi nhằm xây dựng một nếp sống mang lại thiện lành cho bản thân và xã hội. Định hay thiền tập, là trái tim của sự nhập thế. Thiền sư nhấn mạnh rằng, hành động vì xã hội mà thiếu sự an định nội tâm sẽ dễ dẫn đến kiệt sức, tức giận và bạo lực. Tuệ giác trong Phật giáo nhập thế của Thích Nhất Hạnh là sự hiểu biết sâu sắc về bản chất của Vô ngã, Vô thường, đó chính là nguyên lý Duyên khởi – tư tưởng cốt lõi của Phật giáo.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh giải thích khái niệm "nhập thế" là "*Đạo Phật đi vào cuộc đời*", và cách hiểu này xuất hiện lần đầu tiên trong tựa đề một quyển sách cùng tên, xuất bản năm 1964 tại Việt Nam. Ông nói rõ thêm rằng, "đem đạo Phật đi vào cuộc đời có nghĩa là thể hiện những nguyên lý đạo Phật trong sự sống, thể hiện bằng những phương thức phù hợp với thực trạng của cuộc đời để biến cải cuộc đời theo chiều hướng thiện, mỹ. Chừng nào sinh lực của đạo Phật được trông thấy dào dạt trong mọi hình thức của sự sống chừng đó ta mới có thể nói được rằng đạo Phật đang thật sự hiện hữu trong cuộc đời" (Thích Nhất Hạnh 1964: 51).

Từ Thiền sư Thích Nhất Hạnh, thuật

ngữ "Engaged Buddhism" bắt đầu được sử dụng rộng rãi hơn. Đến năm 1986, cuốn sách *The Engaged Buddhist Reader* được xuất bản bởi Nhà xuất bản Parallax (Kotler, A. 1996), tổng hợp những quan điểm về Phật giáo nhập thế từ nhiều tu sĩ, thiền sư và học giả, như Dalai Lama, Thích Nhất Hạnh, Shunryu Suzuki, Maha Ghosananda, Joanna Macy, Jack Kornfield, Robert Aitken, Maxine Hong Kingston, Saki Santorelli, Claude Thomas, Kenneth Kraft, Robert Thurman, Chân Không, Sulak Sivaraksa, Gary Snyder, A. T. Ariyaratne, Allan Hunt Badiner, Richard Baker, Peter Mathiessen, Annabel Laity, Patricia Marx Ellsberg, Stephen Batchelor, Bill Deval… với các giải thích gần chạm tới định nghĩa một Phật giáo vì cuộc sống. Đó là Phật giáo có những Phật tử đem cuộc đời của mình phục vụ con người thay vì chỉ phục vụ đời sống tu hành trong tự viện. Họ đều chung nhận định rằng có sự liên tục giữa Phật giáo ngày nay với Phật giáo Ấn Độ nguyên thủy, mặc dù thế giới đang thay đổi nhanh chóng với sự phát triển đa dạng, nhưng đau khổ của nhân loại và những cách đối phó với đau khổ, về cơ bản vẫn y như những gì được Đức Phật lần đầu trình bày rõ ràng trong giáo lý Tứ Đế. Phật giáo ngày nay, bất kể với hình thức mới nào, về cơ bản đều gắn liền với truyền thống gốc của nó để khẳng định khả năng nhập thế, chứ không biến thành tôn giáo khác.

Tuy về mặt hình thức, mãi cho đến năm 1964, thuật ngữ Phật giáo nhập thế mới ra đời, nhưng nội hàm khái niệm nhập thế của Đạo Phật vốn có ngay trong tinh thần nhập cứu độ (cứu thế) đứng trên bình diện của cuộc sống đời thường. Về bản chất nhân văn, Đạo Phật xuất hiện và tồn tại là vì con người đau khổ và mong muốn giúp con người giải thoát khỏi đau khổ: "Đạo Phật xuất hiện trong nhu cầu của nhân loại, tồn tại vì nhân loại, để phụng sự cho nhân loại" (Thích Nhất Hạnh 1962: 3). Ngay trong giai đoạn nguyên thủy, Phật giáo đã nhập thế rất linh hoạt với đặc trưng tùy duyên, khế lý khế cơ, tùy thời tùy quốc độ. Sau khi du nhập đến Nhật Bản, sắc thái nhập thế của Phật giáo thể hiện phong phú và đa dạng hơn.

Ở Nhật Bản, học giả Jin Hitoshi trong bài "Nhập môn Phật giáo nhập thế - Từ giáo lý của Thích Nhất Hạnh" (Jin Hitoshi 2013) cho rằng, nên dịch "Phật giáo nhập thế" là "Phật giáo nhập thế vào xã hội" (Socially Engaged Buddhism). Học giả Toshimaro[1] cũng đề cập đến tên gọi "Phật giáo nhập thế" trong bài viết *Bàn về Phật giáo nhập thế - Đọc "Phật giáo tạo ra xã hội"* (Aman Toshimaro 2004). Hiện nay, cụm từ Phật giáo nhập thế cũng được viết bằng chữ Katakana[2] của Nhật Bản,

[1] Tổng thư ký Liên đoàn Quốc tế các nhà Quốc tế Phật giáo / Chủ tịch Hội đồng Quản trị Liên đoàn Quốc tế Phật giáo Nhật Bản.

[2] Chữ Katakana trong tiếng Nhật dùng để phiên âm từ ngoại lai.

được phiên âm từ tiếng Anh "Engaged Buddhism". Trong truyền thống khu vực Đông Á, Phật giáo đơn giản được gọi là Buddha – Dharma, và trong Hán tự là "仏教". Nhưng hiện nay cụm từ "Phật giáo nhập thế" ở Nhật Bản lại được viết phiên âm từ từ ngoại lai (エンゲイジド・ブッディズム) chứ không xuất phát từ từ Buddha – Dharma hay "仏教". Khi bàn đến vai trò của Phật giáo nhập thế, Kimihisa Motoama[3] đã thấy: "Khi xem xét vai trò xã hội của Phật giáo, có hai quan điểm: một là nhìn nhận vai trò của Phật giáo trong chính hoạt động tôn giáo, và hai là nhìn nhận vai trò của Phật giáo tựa như tách biệt với hoạt động tôn giáo. Quan điểm thứ nhất nhìn nhận hoạt động tôn giáo ảnh hưởng đến con người theo nhiều cách khác nhau, trong đó có thực hiện một vai trò xã hội. Ngược lại, quan điểm thứ hai, mặc dù thừa nhận rằng bản thân hoạt động tôn giáo có vai trò xã hội, nhưng lại thấy được vai trò xã hội rộng lớn hơn của nó bên ngoài hoạt động tôn giáo" (Kimihisa Motoama 2015: 5). Ngoài ra, có học giả đã tái định nghĩa "Phật giáo nhập thế" chính là "tái sinh Phật giáo" (Revitalizing Buddhism) với nhận định: "Ý nghĩa còn tiềm ẩn của của giáo lý Đức Phật không hề thay đổi, song được "chúng ta" đánh thức và truyền thêm sức sống mới. Nhờ đó, giáo lý ngày càng trở nên sống động hơn và được phản ánh trong cuộc sống của chúng ta, đôi khi dẫn đến những phong trào xã hội lớn" (Naoyuki Osue 2009: 52, 53).

Như vậy, tuy các học giả Nhật Bản đều chung nhận định về vai trò đóng góp của "Phật giáo nhập thế" đối với các vấn đề nhân sinh của xã hội tư bản hiện đại, tức không chỉ tập trung vào việc cứu rỗi tâm linh của cá nhân, mà còn gắn bó sâu sắc với xã hội ở mọi thời đại, tham gia vào nhiều vấn đề xã hội đương đại. Tuy vậy, ở Nhật Bản, tên gọi "Phật giáo nhập thế" chưa thống nhất.

3. Tịnh độ tông Nhật Bản và đặc trưng nhập thế

Phật giáo được truyền bá chính thức từ Trung Quốc đến Nhật Bản khoảng giữa thế kỷ thứ VI, qua bán đảo Triều Tiên. Ban đầu, Phật giáo chủ yếu tiếp cận giới quý tộc Nhật Bản, không phổ biến cho thường dân, bởi vì Phật giáo có giáo lý phức tạp. Về sau, bên cạnh Thần đạo (tín ngưỡng bản địa), Phật giáo phát triển mạnh mẽ và trở thành một tôn giáo chính của Nhật Bản, với đặc trưng "Phật giáo Nhật Bản đều thuộc Đại thừa. Mặc dầu vậy, Phật giáo Nhật Bản có những sắc thái đặc biệt khác Phật giáo Đại thừa ở các quốc gia khác, một phần vì bản tính của người Nhật, phần khác vì lịch sử phát triển Phật giáo ở Nhật" (Trần Quang Thuận 2008: 644).

Trong quá trình tiếp biến, Phật giáo ở Nhật Bản đã phát triển thành nhiều tông phái khác nhau: Phật giáo Nara (Hoa nghiêm tông, Pháp tướng tông, Luật tông), Thiên thai tông, Chân ngôn

[3] Giáo sư đặc nhiệm của Đại học Taiso.

tông, Tịnh độ tông (Tịnh độ tông, Tịnh độ chân tông), Thiền tông (Lâm tế tông, Tào động tông), Nhật Liên tông.

Phật giáo Nhật Bản được cho rằng có "tính cách thiên trọng lý luận" (Thích Thiên Ân 2018: 242). Bởi, ngay từ đầu, Phật giáo đã được đưa vào Nhật Bản một cách chính thức và được giới trí thức đọc tụng, nghiên cứu như một hệ thống tri thức cần thiết. Từ đó, Phật giáo dần phổ độ đến mọi tầng lớp chúng sinh thông qua các bài kinh, bài tụng niệm. Ông nhận định rằng, sau khi đến Nhật Bản, Phật giáo giống như tôn giáo triết học hơn là một tôn giáo tín thần. Tuy nhiên, Phật giáo khi vào Nhật Bản cũng phát triển khuynh hướng ứng dụng Phật pháp vào đời sống, không chỉ thực hành tâm linh như nghi lễ, tín ngưỡng, phụng sự Tam bảo, mà còn hoạt động cứu tế xã hội, cầu nguyện cho quốc thái dân an. Trong các tông phái của Phật giáo Nhật Bản, Tịnh độ tông có những đặc trưng nhập thế xã hội nổi bật, đặc biệt phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ hiện đại.

Tịnh độ tông được cho rằng đến Nhật Bản từ thế kỷ thứ VII và thái tử Shotoku (聖徳太子 - Thánh Đức Thái tử, 547-622) là tín đồ của Tịnh độ. Bởi, ngài đã chú trọng gắn kết giáo lý Phật giáo với sự phát triển của đất nước và cứu độ chúng sinh, như: Ban bố Hiến pháp 17 điều, với chủ trương dốc lòng tin tưởng nơi Tam Bảo, quy y theo Phật, Pháp Tăng.

Trước đó, vào thời Thiên hoàng Kinmei năm thứ 12 (640), ở Nhật Bản, Phật giáo Tịnh độ "không được xem như một tôn giáo giải thoát con người, mà được nối kết mật thiết với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên bản xứ. Những tài liệu và chữ viết từ thời kỳ này cho thấy Tịnh độ được hiểu như một thế giới cao đẹp mà cha mẹ tổ tiên họ có thể thác về sau khi chết. Như vậy, thực hành Tịnh độ vào thời kỳ này chủ yếu bao gồm những nghi lễ dành cho việc đảm bảo rằng ông bà tổ tiên sẽ chắc chắn sanh về Tịnh độ sau khi chết" (Robert F.Rhodes 2017).

Đến thời Kamakura (1185 - 1333), Hōnen (法然 - Pháp Nhiên, 1133-1212), vốn là một tăng sĩ nổi tiếng thuộc Thiên Thai Tông (Tendai-shū) tại trung tâm Phật giáo lớn nhất lúc bấy giờ trên núi Hiei, đã nhận ra rằng các giáo lý phức tạp của Thiên Thai Tông và các tông phái khác quá phức tạp, cao siêu cho đại đa số chúng sinh trong thời Mạt pháp. Đồng thời, ông nhận thấy tinh thần đơn giản của Tịnh độ, qua *Kinh Vô Lượng Thọ*, *Kinh A Di Đà*, nên đã rời Thiên Thai Tông và khởi dựng Tịnh độ tông ở Nhật Bản vào năm 1175. Ông đánh giá cao giáo lý chuyên tâm niệm Phật A Di Đà để được vãng sinh về Cực Lạc. Sau đó, đệ tử của ông là Shinran (親鸞 - Thân Loan, 1173-1263) đã tiếp tục phát triển tư tưởng Tịnh độ, đặc biệt nhấn mạnh niềm tin tuyệt đối vào tha lực, vào sự từ bi cứu độ của Đức Phật A Di Đà.

Cuối thời Heian (794 - 1185), cùng

với sự sụp đổ của triều đình quý tộc và hình thành thể chế quốc gia mới, vai trò của giới võ sĩ lên cao. Khi đó, Phật giáo bị bỏ mặc, song đã nhanh chóng biến đổi và phát triển đa dạng. Các tăng ni, ngoài việc tụng niệm cho sự yên ổn, thịnh vượng của triều đình và giới quý tộc, bắt đầu thâm nhập vào xã hội dân thường.

Bước sang thời Kamakura (1185 - 1333), chính quyền võ sĩ lên ngôi, hình thành trung tâm phía Tây là Kyoto, và phía Đông là của Thiên Hoàng. Lúc đó, chính quyền mới nổi phía Đông du nhập văn hóa nhà Tống, theo thể chế trật tự xã hội phong kiến võ gia đứng đầu. Cùng lúc, ở phía Tây, các đại tự viện được duy trì bởi chế độ luật lệ đã tan rã, song lại phát triển theo hướng thế tục hóa. Sự thay đổi quyền lực đó đã kéo theo hàng loạt xáo trộn trong xã hội: chiến tranh liên miên, xung đột giai cấp, thiên tai, tạo nên nhiều bất ổn khiến người dân hoang mang, dần mất niềm tin vào cuộc sống. Nhiều người tin rằng, thế giới đang bước vào thời kỳ "mạt pháp" (末法) - thời đại suy tàn của giáo pháp Phật tổ Thích Ca, nơi mà con người không còn khả năng tự mình giác ngộ.

Trong bối cảnh đó, Tịnh độ tông đề cao con đường tu tập đơn giản và dễ tiếp cận, hướng đến sự cứu rỗi cho mọi tầng lớp xã hội, từ quý tộc, tầng lớp samurai, cho đến tầng lớp bình dân - những người không có điều kiện học hành hay xuất gia tu hành. Shinran cho rằng, không phải ai cũng có khả năng tự mình tu hành để đạt giác ngộ; sự cứu rỗi (giải thoát) tối hậu còn dựa vào lòng từ bi vô lượng của Phật A Di Đà. Điều này có nghĩa, con người dù mất phương hướng cũng song chỉ niệm Phật với niềm tin chân thành cũng đủ để được cứu độ. Giới Tăng sĩ Tịnh độ Chân tông[4] thời đó còn được gọi là Tân tăng[5]. Họ lập luận rằng, không phải ai cũng có điều kiện xuất gia, tu hành thanh tịnh và được giải thoát, họ sống như người đời, có thể làm mọi ngành nghề, sinh hoạt ở khắp nơi và bằng cách đó họ truyền đạo dễ dàng, dễ đi vào đời sống, gần gũi với mọi người (Xem: Thích Thánh Nghiêm 2008: 484).

Có thể nói, đóng góp đầu tiên của phái Tịnh độ tông khi tham gia vào đời sống xã hội Nhật Bản là đã phá vỡ truyền thống tu viện và khẳng định không cần phải sống tách biệt với đời sống hàng ngày mới có thể giác ngộ. Các phật tử được khuyến khích thực hành niệm Phật và sống cuộc đời đạo đức ngay trong cuộc sống thường nhật. Đây chính là nền tảng căn bản cho việc "nhập thế" trực tiếp khi Phật giáo tham gia giải quyết các vấn đề của xã hội. Điểm chung của Tịnh độ tông là niềm tin cứu độ chúng sinh của Đức Phật A Di Đà, chứ không nhấn mạnh

[4] Tịnh độ Chân tông là một nhánh của Tịnh độ tông do Shinran phát triển.

[5] Tân tăng là cách gọi tu sĩ ở trong chùa nhưng không cạo tóc, không ăn chay trường và có vợ con, sống như gia đình trong chùa.

nỗ lực tự giác tu hành giáo lý của mỗi cá nhân. Điều này cho thấy, phái Tịnh độ đã mở rộng quyền bình đẳng về giải thoát cho mỗi chúng sinh, ai cũng được Đức Phật đối xử như nhau cho dù ở địa vị nào. Chính tư tưởng bình đẳng này đã thúc đẩy sự chia sẻ lòng từ bi của mỗi người với thế giới xung quanh, bởi chính họ đã nhận được sự cứu rỗi của Đức Phật.

Trước đó, ngay từ thế kỷ X, sư Kūya (空也, 903 - 972) đã đặt nền móng cho Tịnh độ ở Nhật Bản bằng nhiều hoạt động nhập thế, như từ thiện, cứu tế cho người nghèo, "xây dựng đường sá, đào giếng cho người dân. Khi thấy những thi hài bị bỏ trên những cánh đồng hoang, ông gom lại đốt bằng dầu và niệm Phật cầu siêu cho họ" (Đại học Otani, Viện nghiên cứu tổng hợp chân tông 2024: 98), "Kūya đi khất thực ở các chợ và dùng những thứ nhận được cho các nghi lễ Phật giáo hay cho người nghèo, người bệnh" (Đại học Otani, Viện nghiên cứu tổng hợp chân tông 2024: 99).

Thời kỳ Edo (Tokugawa, 1603-1868), Phật giáo Tịnh độ còn tham gia nhập thế tích cực vào lĩnh vực giáo dục. Nhiều ngôi chùa Phật giáo đã trở thành những cơ sở giáo dục sơ đẳng cho người dân địa phương, được gọi là Terakoya (寺子屋). Mạng lưới chùa chiền rộng khắp cả nước, cùng với chính sách Danka seido[6] (檀家制度 - Đàn gia chế độ) của chính quyền Tokugawa, các chùa thuộc Phật giáo Tịnh độ cũng trở thành các Terakoya, chủ yếu phục vụ con em thường dân, bao gồm nông dân, thương nhân và thợ thủ công, những người không thuộc tầng lớp samurai hoặc quý tộc. Nhiều tăng, ni đảm nhận vai trò dạy trẻ em tại các chùa địa phương. Nội dung dạy không chỉ là đọc, viết, tính toán cơ bản, mà còn giáo dục về đạo đức, lễ nghi, góp phần nâng cao đáng kể tỷ lệ biết chữ cho người dân. Khi Mạc phủ Tokugawa sụp đổ năm 1868, tỷ lệ người dân biết chữ của Nhật Bản cao hơn nhiều quốc gia phương Tây cùng thời. Các tự viện của Tịnh độ tông như Chion-in (Tri Ân viện) tại Kyoto có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống tôn giáo của người dân. Đây là cái nôi truyền bá rộng rãi giáo lý của Tổ sư Hōnen, người đã đơn giản hóa Phật giáo bằng việc đề cao việc niệm Phật A Di Đà (念仏) để đạt được sự tái sinh ở Tịnh độ, một con đường phù hợp với đại chúng.

Tự viện Higashi Hongan-ji (東本願寺 - Đông Bản Nguyện tự) và Nishi Hongan-ji (西本願寺 - Tây Bản Nguyện tự) cũng tích cực hỗ trợ tinh thần về mặt tôn giáo cho mọi người. Đây không chỉ là nơi lưu giữ các trước tác giáo lý cốt lõi của Tổ sư Shinran, mà

[6] Chính sách Danka Seiko (檀家制度 - Đàn gia chế độ) là một hệ thống hành chính tôn giáo bắt buộc được Mạc phủ Tokugawa thiết lập và củng cố trong suốt thời kỳ Edo (1603-1868) nhằm bắt buộc mọi người dân phải đăng ký vào một ngôi chùa Phật giáo địa phương, chính quyền có thể quản lý nhân khẩu, dễ dàng phát hiện ra tín đồ Thiên chúa giáo.

còn là nơi tổ chức các nghi lễ, pháp hội, giảng dạy về niệm Phật với tư cách con đường vãng sinh đơn giản, dễ tiếp cận, không phân biệt địa vị xã hội.

Ngoài các tự viện lớn của phái Tịnh độ, trên khắp Nhật Bản, các chùa nhỏ ở các thành phố nhỏ cũng đóng vai trò thiết yếu đối với đời sống người dân, đặc biệt trong việc nâng đỡ tinh thần. Thời Edo, các chùa này là trung tâm của hệ thống Danka seido, giờ đây trở thành tổ chức cung cấp các dịch vụ tôn giáo quan trọng như tang lễ, giỗ chạp và các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, giúp người dân an tâm về đời sống tâm linh.

Thời kỳ Minh Trị (1868 -1912), chính sách Thần Phật phân ly (神仏分 - *Shinbutsu bunri*) nhằm phá bỏ Phật giáo, loại bỏ Tăng lữ với sắc lệnh "Bãi Phật phế thích" (廃仏毀釈 - *Haibutsu kishaku*), cho phép Tăng sĩ ăn thịt và kết hôn (肉食妻帯 - *Nikujiki Saitai)*. Chính sách này chính là sự can thiệp sâu sắc của chính quyền đối với tôn giáo vì mục đích chính trị. Chính quyền muốn khôi phục vị thế quốc giáo của Thần đạo - "Thần đạo Quốc gia" và làm hệ tư tưởng chính thống tập trung vào Thiên Hoàng. Giai đoạn này, Phật giáo Nhật Bản lâm vào giai đoạn khó khăn, mất phương hướng. Phái Tịnh độ, đứng đầu là Shinran, chủ trương thực hiện "Phi tăng phi tục" (非僧非俗 - Hisō hizoku), tức là Tăng sĩ có thể kết hôn và sống đời sống gia đình phù hợp với sắc lệnh của Thiên hoàng Minh Trị. Mô hình "tại gia" của Tăng sĩ thuộc Tịnh độ Chân tông đã phát triển thành một hệ thống có tổ chức chặt chẽ và ảnh hưởng sâu rộng trong dân. Họ không bị coi là hoàn toàn tách biệt khỏi đời sống xã hội như các tông phái Phật giáo khác ở Nhật Bản. Đặc trưng này thể hiện tư tưởng nhập thế của Tịnh độ tông, và nhánh Tịnh độ Chân tông, bởi nó đã phá bỏ rào cản Tăng - Tục, Đạo - Đời.

Chủ trương của Shinran, do vậy phù hợp với sắc lệnh Thiên Hoàng, và Tịnh độ Chân tông đã phát triển một mô hình Phật giáo nhập thế sâu rộng hơn, coi trọng đức tin hơn là giới luật hình thức, và có khả năng thích nghi xã hội rất cao. Nhờ đó, tông phái này không chỉ tồn tại mà còn phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn đầy biến động của thời Minh Trị Duy tân, trong khi các tông phái Phật giáo khác còn đang chật vật với những chính sách đàn áp của chính quyền Minh Trị.

Chính sách Thần đạo Quốc gia (国家神道 - Kokka Shintō) trở thành hệ tư tưởng chính trị - tôn giáo trung tâm, cho đến hết Thế chiến thứ hai. Khi Nhật Bản nhận ra tôn giáo và chính trị cần phải tách bạch, thì chính sách "Thần đạo quốc gia" đã bị bãi bỏ. Cho đến nay, Tịnh độ tông liên tục đồng hành cùng dân tộc Nhật Bản trong nhiều lĩnh vực khác nhau, như: giáo dục, với việc thành lập trường Đại học Ryukoku (1639), Đại học Otani thuộc Tịnh độ Chân tông (1665), Đại học Taisho -

đồng sáng lập bởi Tịnh độ Tông (1926); hoạt động phúc lợi, với việc điều hành các cơ sở dưỡng lão, hỗ trợ người cao tuổi; cứu trợ thiên tai, các chùa Tịnh độ đóng vai trò là nơi trú ẩn, trung tâm phân phát hàng cứu trợ và cung cấp hỗ trợ tinh thần cho các nạn nhân khi có thiên tai (động đất, sóng thần,...).

Trong bối cảnh xã hội hiện đại Nhật Bản đang đối mặt với nhiều vấn đề xã hội như già hóa dân số, giảm thiểu trẻ em, số người tử tự cao, trầm cảm,... nhiều nhà sư Tịnh độ tiếp tục trở thành các nhà tư vấn tâm lý hỗ trợ những người gặp khủng hoảng tinh thần, giải quyết vấn đề "xã hội bị ngắt kết nối"[7]. Không dừng lại ở đó, phái Tịnh độ còn tích cực tham gia các hoạt động bảo về môi trường, cũng như góp phần thúc đẩy công bằng xã hội. Một nhóm các nhà sư Tịnh độ đã thành lập công ty năng lượng "Tera Energy" để bán năng lượng sạch, phi hạt nhân, sử dụng lợi nhuận (khoảng 3.5%) với mục đích tài trợ cho các tổ chức phúc lợi xã hội, như Quỹ đóng góp cộng đồng; hay các hoạt động chống biến đổi khí hậu… Đây là một số hoạt động nhập thế nổi bật của Phật giáo Tịnh độ tông tại Nhật Bản, thể hiện việc áp dụng linh hoạt, tích cực các nguyên tắc Phật giáo vào giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường hiện đại.

Hiện nay, có rất nhiều tổ chức Phật giáo của Nhật Bản, trong đó có cả Tịnh độ tông, đã tham gia vào các hoạt động nhập thế, như: Liên đoàn Phật giáo Nhật Bản (Nihon bukkyō Kyogikai), Dịch vụ Cứu trợ Phật giáo, Mạng lưới Phật tử Nhập thế Quốc tế Nhật Bản (JNEB),...

Tịnh Độ tông còn xây dựng tạp chí riêng (Tạp chí Da-na) để thông báo thường kỳ về các hoạt động nhập thế của tông phái như cứu trợ thiên tai, thành lập Hiệp hội hòa bình Tịnh độ với các hoạt động vì hòa bình thế giới, v.v.. Các tự viện của Tịnh độ còn mở rộng phạm vi hoạt động bên ngoài Nhật Bản, hình thành nơi sinh hoạt tôn giáo, trung tâm bảo tồn văn hóa Nhật Bản tại các quốc gia khác, hỗ trợ xây dựng cộng đồng người di cư.

Tóm lại, Tịnh độ tông Nhật Bản, trong quá trình hình thành và phát triển từ một giáo lý Phật giáo A Di Đà cứu độ chúng sinh về miền Tịnh Thổ, đã phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ Kamakura nhờ vào luận giải của Hōnen và Shinran. Tịnh độ tông với tư cách Phật giáo nhập thế khi được Nhật Bản hóa đã khuyến khích việc tu tập, cứu độ ngay trong thế giới này bằng cách đơn giản hóa giáo lý, nhấn mạnh lòng từ bi, tập trung niềm tin vào Đức Phật A Di Đà. Tịnh độ tông đã chuyển từ giáo lý hướng đến kiếp sau thành một động lực mạnh mẽ để cải thiện xã hội ngay trong kiếp hiện tại, tập trung vào đời sống thế tục và phục vụ cộng đồng. Tịnh độ tông đã trở thành tông phái Phật giáo có sức

[7] Xã hội bị ngắt kết nối là trạng thái các cá nhân hoặc nhóm người bị thiếu hụt nghiêm trọng các mối quan hệ xã hội, gắn kết cộng đồng, hoặc không có cảm giác thuộc về một tập thể nào đó.

ảnh hưởng lớn tại Nhật Bản, tiếp tục phát triển và lan rộng đến ngày nay.

4. Kết luận

Như vậy, trong quá trình phát triển, Tịnh độ tông Nhật Bản đã có cuộc cách mạng về mô hình Phật giáo, chuyển từ mô hình tu tập với giáo lý phức tạp, dành riêng cho tầng lớp quý tộc tinh hoa sang mô hình đại chúng hóa, đơn giản, ai cũng có thể thực hành thông qua pháp môn niệm Phật A Di Đà. Đây cũng là tông phái thể hiện tinh thần nhập thế triệt để và toàn diện, không dừng ở các hoạt động mang tính xã hội, mà còn xóa bỏ ranh giới cơ bản giữa Đạo và Đời. Nhờ tính thực tiễn cao, Tịnh độ tông đã rất thành công trong việc đưa Phật giáo len lỏi vào mọi ngóc ngách của đời sống xã hội Nhật Bản, biến thế gian Ta bà thành nơi thực hành Bồ tát đạo, thể hiện một sức sống mãnh liệt và bền bỉ trong xã hội hiện đại.

Tài liệu trích dẫn

1. Kotler, A. 1996. *Engaged Buddhism Reader (Đọc về Phật giáo nhập thế)*. California: Parallax.

2. Thích Thiên Ân. 2018. *Lịch sử tư tưởng Nhật Bản*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.

3. Thích Nhất Hạnh. 1962. *Đạo Phật ngày nay*. Sài Gòn: Lá Bối

4. Thích Nhất Hạnh. 1964. *Đạo Phật đi vào cuộc đời*. Sài Gòn: Lá Bối.

5. Jin Hitoshi (神仁). 2013. エンゲイジド・ブッディズム入門ーティック・ナット・ハンの教えから (*Nhập môn Phật giáo nhập thế - Từ tư tưởng của Thích Nhất Hạnh*) (http://www.zenseikyo.or.jp/manabou/yomimono/bukkyo/bukkyo/post_6.html)

6. Kimihisa Motoama (元 山 公 寿). 2015. *Vai trò mang tính xã hội của Phật giáo Nhật Bản hiện nay – Xoay quanh Phật giáo Nhập thế*. Kỷ yếu nghiên cứu Đại học Taiso, tập 100, số đặc biệt.

7. Robert F.Rhodes. 2017. *Sự khởi đầu của Tịnh Độ tông ở Nhật Bản: Từ du nhập đến thời kỳ Nara* (https://giacngo.vn/su-khoi-dau-cua-tinh-do-tong-o-nhat-ban-tu-du-nhap-den-thoi-ky-nara-post39897.html). Truy cập ngày 30/06/2017.

8. Thích Thánh Nghiêm. 2008. *Lịch sử Phật giáo thế giới*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

9. Naoyuki Osue (大末 尚順). 2009. エングージ ド・ブッディズムの定義 と 日本 語訳 (*Định nghĩa và bản dịch tiếng Nhật của Phật giáo dấn thân*). Kỷ yếu Viện nghiên cứu văn hóa Phật giáo Đại học Musashino số 25.

10. Đại học Otani, Viện nghiên cứu tổng hợp chân tông. 2024. *Khái lược Phật giáo Nhật Bản*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

11. Aman Toshimaro (阿満利麿) *2004* エンゲイジド・ブッディズムをめぐって—『社会をつくる仏教』を読む (*Về Phật giáo dấn thân: Đọc "Phật giáo kiến tạo xã hội"*) https://www.nagoya30.net/temple/kyosin/sin-iti/recenzo/ama_1.html.

12. Trần Quang Thuận. 2008. *Phật giáo Nhật Bản*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.